

Bản án số: 479/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 8 -2024
V/v: “TrA chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

2. Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2024/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc trA chấp “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2024/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 7 năm 2024. Giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đào Vũ Quốc T, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 29 đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Vũ Quốc T: Ông Cao Hữu S, sinh năm: 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: số 33, khu vực 8, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Phương T1, sinh năm: 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã H huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay (theo bà T1 cung cấp): Số nhà 72/83/2K Huỳnh Văn Nghệ, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn T2, sinh năm: 1953 (có đơn xin vắng mặt) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1959 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp T, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Vũ Quốc T, ông Cao Hữu S trình bày: Vào ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa ông T và bà T1 đã thỏa thuận với nhau về việc thuận tình ly hôn và quyền nuôi con chung, thể hiện tại Quyết định số 871/2022/QĐST- HNGĐ của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại quyết định này giữa ông T

và bà T1 có thỏa thuận về con chung là ông T giao con chung Đào Vũ Tâm A sinh ngày 30/5/2019 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở....Tuy nhiên, bà T1 không trực tiếp nuôi cháu A mà gửi về quê cho ông bà ngoại là ông Bùi Văn T2 - bà Nguyễn Thị Q nuôi dưỡng, ông T không có ý kiến phản đối. Mặc dù đường xá xa xôi, ông T vẫn thường xuyên lui tới thăm nom, chăm sóc con và gửi tiền cấp dưỡng mỗi tháng cho con. Như vậy, ông T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của cha đối với con. Nhưng trái lại, phía ông T2 - bà Q đã không tạo điều kiện cho ông T thực hiện quyền thăm nom con chung như: đóng cửa không cho vào nhà, không cho ông T đưa con đi điều trị bệnh vì cháu A có dấu hiệu bị bệnh tự kỷ, rối loạn ngôn ngữ cần phải đến cơ sở điều trị chuyên biệt để chữa trị cho con, tạo cho con có một môi trường sống hòa nhập cộng đồng. Mặc khác, bà T1 cũng như ông T, bà Q cũng chưa một lần đưa bé A đi khám hay chữa trị bệnh từ khi cháu A về đây sống. Xét thấy, cháu A là trẻ tự kỷ mà không được điều trị ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần đối với cháu sau này. Bản thân bà T1 đã không trực tiếp nuôi dưỡng con và cũng ít về thăm, gần gũi chăm sóc con nên xét thấy việc giao con chung cháu A cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng làm ảnh hưởng quyền lợi về mọi mặt của trẻ và xâm phạm đến quyền thăm nom của ông T. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu được thay đổi quyền nuôi con, buộc bà T1 và ông T2 - bà Q giao con chung cháu A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không yêu cầu bà T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Bà T1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc dạy dỗ con chung.

Mặc khác, xét về điều kiện kinh tế thì hiện tại ông T có thu nhập ổn định, có nhà ở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bản thân cháu A có dấu hiệu tự kỷ nên cần phải cho cháu học ở môi trường chuyên biệt dành cho trẻ tự kỷ và phải được khám chữa trị theo định kỳ nên việc giao cháu A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu A. Ngoài ra, bà T1 hiện đang vay nợ của tổ chức tín dụng, điều này đã được ông T gửi văn bản chứng minh bằng việc tổ chức tín dụng gửi thông báo về khoản vay nợ đến hạn trả cho bà T1 đến địa chỉ nhà của ông T ở nên về điều kiện kinh tế bà T1 chưa đáp ứng điều kiện nuôi con tốt hơn ông T.

Tại bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, bị đơn bà Bùi Thị Phương T không đồng ý với yêu cầu của ông T, bà T1 cho rằng ông T là người đam mê cờ bạc thiếu trách nhiệm với gia đình trong thời gian còn chung sống vợ chồng. Khi ly hôn, ông T giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, do điều kiện công việc bà gửi cháu A cho ông bà ngoại là ông Bùi Văn T2 - bà Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc. Tuy nhiên, bà vẫn thường xuyên điện thoại hỏi thăm sức khỏe và dõi theo sự phát triển từng ngày của cháu. Ông T cho rằng ông T2 – bà Q không tạo điều kiện cho ông T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ cháu A là không đúng sự thật. Gia đình bà đã luôn tạo mọi điều kiện cho ông T đến thăm nom, chăm sóc cháu A nhưng mỗi khi đến thăm con, ông T lợi dụng việc ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con gây rối, bắt bẻ cách chăm sóc con với ông bà ngoại, đưa ra những lời nói xúc phạm và không tôn trọng ông bà, khích bác bạo lực ảnh hưởng đến tâm lý của con và sức khỏe của cha mẹ bà. Việc cháu A bị bệnh bà cũng biết và luôn tạo mọi điều kiện

tốt nhất để chăm sóc đầy đủ cho cháu, tạo sự yêu thương gắn kết. Bà khẳng định cháu A không bị bệnh tự kỷ, cháu chỉ bị rối loạn ngôn ngữ do sử dụng song song hai ngôn ngữ cùng một lúc và chậm phát triển hơn so với bao đứa trẻ khác. Bà cũng đã đưa bé đi khám bác sĩ và được khẳng định cháu phát triển bình thường. Chính vì vậy, bà đã không tiếp tục đưa bé đi điều trị mà để cháu ở nhà dạy dỗ chăm sóc. Xét về điều kiện nuôi con, ông T là đàn ông thường xuyên đi công tác xa nên không đảm bảo việc nuôi con tốt và bản thân ông T sống cùng với mẹ và em trai, mẹ ông T thì thường xuyên ốm đau cũng không chăm sóc gì được cho cháu A, còn em trai của ông T thì bất thường về mặt tâm lý, cháu A cũng đã được ông bà ngoại chăm sóc gần gũi nên cháu cũng đã cảm mến ông bà. Ngoài ra, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng lại gây khó khăn thì làm sao có thể chăm sóc con một mình.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T2, bà Nguyễn Thị Q xác định hiện ông bà đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đào Vũ Tâm A là con chung của ông T và bà T. Việc ông bà trực tiếp chăm sóc cháu A cũng có sự đồng ý của ông T, ông T cho rằng ông bà gây khó khăn khi ông đến thăm nom con là không đúng. Hiện cháu A vẫn sống tốt và phát triển bình thường. Ông bà chỉ nhận nuôi hộ cháu còn quyền quyết định đồng ý giao con cho ông T hay không là do bà T1 mẹ của cháu A quyết định.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào quyết định 871/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung thống nhất bà T1 chịu trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đào Vũ Tâm A, sinh 30/5/2019, nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Theo đơn xin xác nhận của ông T, cháu Đào Vũ Tâm A hiện đang sinh sống với ông bà ngoại là ông Bùi Văn T2, bà Nguyễn Thị Q, tại ấp T, xã H, huyện Giồng Riềng, bà T1 hiện không có sinh sống tại xã H; ông T2 - bà Q cũng thừa nhận ông bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm A nên có căn cứ xác định bà T không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A là có thật. Tại phiếu khám tâm lý ngày 26/10/2023 của Bệnh viện Nhi Đồng 2 nhận định: cháu A có hạn chế về giao tiếp, nói ngọng, lảng xãng, kém tập trung, dấu hiệu tự kỷ. Mặc dù, cháu A được mẹ và ông bà Ngoại gửi học trong nhóm trẻ Măng non thuộc giáo xứ H, x4 H, huyện Giồng Riềng. Tuy nhiên, theo ý kiến của bà Nguyễn Thị Mộng H xác định nhóm trẻ của giáo xứ không đủ tiêu chuẩn điều kiện về nghiệp vụ để dạy các cháu bị tự kỷ. Phía ông T cũng chứng minh có tài sản, có thu nhập đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu A, nên xét thấy việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp chăm sóc nuôi con của ông T là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, căn cứ theo khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 271, 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ông Đào Vũ Quốc T yêu cầu thay đổi quyền nuôi con chung sau khi ly hôn với bà Bùi Thị Phương T1 nên đây là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Bùi Thị Phương T1 với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, có hộ khẩu thường trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau khi ly hôn bà T1 không còn cư trú tại quận T. Tuy nhiên, nơi cư trú trước đây cũng như ông T2 - bà Q (cha mẹ ruột của bà T1) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng và nguyên đơn ông T cũng có đơn chọn Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng giải quyết tranh chấp do không xác định được nơi cư trú hiện tại của bà T1. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Bùi Văn T2 và bà Nguyễn Thị Q có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành xét xử vắng mặt ông T2, bà Q là có căn cứ.

Riêng bà Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng nội dung đơn xin vắng mặt của bà T1 chưa thể hiện rõ ý kiến cụ thể xin vắng mặt tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng không căn cứ vào đơn đề nghị vắng mặt của bà T1 để xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự mà Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đào Vũ Quốc T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Vũ Tâm A, sinh ngày 30/5/2019 là con chung của ông và bà T1. Buộc bà T1, ông T2 và bà Q giao cháu Tâm A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Trái lại, bà T1 không đồng ý giao con lại cho ông T nuôi dưỡng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, phía ông T đã cung cấp chứng cứ cho Tòa án để chứng minh việc ông đến thăm nom, chăm sóc con chung Tâm A nhưng phía gia đình bà T1 không tạo điều kiện cho ông vào thăm khóa cửa không cho vào nhà, phải nhờ sự can thiệp của Ban lãnh đạo ấp T, xã H, huyện Giồng Riềng. Mặt khác, từ khi ly hôn cho đến nay, theo thỏa thuận ông giao cháu Tâm A cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng nhưng bà T1 không trực tiếp nuôi con mà gửi con cho ông bà ngoại nuôi và ít thường xuyên tới lui chăm sóc con. Mặt khác, cháu Tâm A bị bệnh được bác sĩ chẩn đoán có dấu hiệu tự kỷ cần phải có sự can thiệp điều trị của bác sĩ chuyên biệt và cháu phải được dạy dỗ trong môi trường giáo dục đặc biệt dành cho trẻ tự kỷ. Nhưng tại

huyện Giồng Riềng, cụ thể ở xã H nơi ông T2 – bà Q cư trú không có loại hình trường học này và trong thời gian sống với ông bà ngoại, ngoài hai lần ông T trực tiếp đưa cháu Tâm A đi khám điều trị thì không có lần nào phía chị T1 và gia đình tự đưa cháu A đi khám chữa bệnh. Xét về phương diện kinh tế và điều kiện nuôi con, thì ông T đã cung cấp nguồn thu nhập ổn định thông qua các bảng lương, ông có quyền sở hữu nhà, môi trường sống và học tập ở nơi ông T cư trú đảm bảo cho việc học tập, điều trị bệnh đối với bé A. Qua các tài liệu chứng cứ mà ông T cung cấp thể hiện trong hồ sơ vụ án: đơn xin xác nhận ngày 20/11/2023, đơn xin xác nhận ngày 07/11/2023, giấy khám tâm lý, sổ khám bệnh, bảng lương, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Điều này đã chứng minh bà T1 và gia đình đã vi phạm quyền thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung đối với ông T và so sánh điều kiện nuôi con của ông T và bà T1, thì ông T có đủ điều kiện. Đặc biệt cháu A có bệnh cần phải được khám, chữa trị theo chỉ định của bác sĩ, đảm bảo đúng về bệnh lý và cách điều trị dành cho trẻ có dấu hiệu tự kỷ. Cháu A cũng đã đến tuổi đi học, cần phải tạo điều kiện cho cháu được đi học tại môi trường giáo dục chuyên biệt và nơi ở của ông T thuận lợi cho việc sinh hoạt, học tập và điều trị bệnh đối với trẻ có bệnh tự kỷ. Trái lại, phía bà T1 thể hiện ý kiến để phản bác đối với yêu cầu của ông T, bà T1 cho rằng ông T đam mê cờ bạc đá gà trong thời gian còn chung sống với bà, em trai ông T đã có những hành vi bất thường về tâm lý.., ông T lợi dụng việc thăm nom con đã đến gia đình bà gây rối, có những lời lẽ xúc phạm ông T2 - bà Q, gây cản trở việc chăm sóc cháu của ông bà ngoại và bà xác định sẽ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho trình bày của bà tại phiên Tòa, nhưng phía bà T1 đã không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến trình bày của bà là sự thật. Ngoài ra, tại bản trình bày ý kiến bà giao nộp cho Tòa án đã thể hiện việc cháu A bị bệnh, bà đã đưa cháu đi khám và điều trị tại các bác sĩ trong và ngoài nước và được khẳng định cháu A không bị bệnh tự kỷ và không cần thiết phải đưa đến cơ sở y tế để điều trị. Vì vậy, bà và gia đình đã không tiếp tục đưa cháu đi khám bệnh mà tự chăm sóc tại nhà nhưng bà không cung cấp giấy tờ gì chứng minh rằng có sự chỉ định của bác sĩ là cháu A không cần phải tiếp tục điều trị nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những phân tích trên và qua xem xét đánh giá chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T1 và gia đình đã vi phạm quyền thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung của ông T, bà T1 không trực tiếp nuôi con mà gửi ông T2 – bà Q là người trực tiếp nuôi nhưng chưa tạo mọi điều kiện tốt nhất để nuôi dạy con chung có sự phát triển tốt về mọi mặt. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, buộc bà T1 và ông T2 - bà Q giao lại cháu Đào Vũ Tâm A, sinh ngày 30/5/2019 cho ông T trực tiếp nuôi. Ông T không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 qui định về mức thu,

miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, buộc bà Bùi Thị Phương T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Vũ Quốc T về việc thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Buộc bà Bùi Thị Phương T1, ông Bùi Văn T2 và bà Nguyễn Thị Q giao lại cháu Đào Vũ Tâm A, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2019 cho ông Đào Vũ Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Bùi Thị Phương T1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Phương T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2024); đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương